



SỰ DU NHẬP VÀ HOẰNG HÓA PHẬT GIÁO CỦA CÁC THIÊN SƯ TRUNG QUỐC Ở THUẬN HÓA NỬA SAU THẾ KỶ XVII

Lê Bình Phương Luân*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Tp. Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Nửa cuối thế kỷ XVII chứng kiến sự du nhập và hoằng hóa mạnh mẽ của các thiền sư Trung Quốc trên vùng đất Thuận Hóa. Với học vấn uyên thâm, hiểu biết Phật pháp sâu sắc, phẩm hạnh đạo đức cao, các thiền sư Trung Quốc đã góp phần quan trọng thỏa mãn nhu cầu tâm linh của cư dân, đáp ứng yêu cầu trị vì về mặt tinh thần của chúa Nguyễn trên vùng đất mới. Sự hoằng hóa của các thiền sư Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Phật giáo, tạo nên diện mạo mới cho Phật giáo Huế.

Từ khóa: Thiền sư Trung Quốc, chúa Nguyễn, du nhập, hoằng hóa, Phật giáo Huế, thế kỷ XVII

Phật giáo Thuận Hóa dưới thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII) là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử của Phật giáo Huế nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Sự phát triển của Phật giáo ở Thuận Hóa thời kỳ này có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ tăng sư Trung Quốc. Sự du nhập và hoằng hóa mạnh mẽ của các thiền sư Trung Quốc nửa cuối thế kỷ XVII, trên vùng đất Thuận Hóa, có một ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Phật giáo, góp phần tạo nên diện mạo mới cho Phật giáo Huế.

1. Bối cảnh lịch sử

Sự du nhập và hoằng hóa mang tính đột biến của các thiền sư Trung Quốc ở Thuận Hóa là hệ quả của nhiều yếu tố nhưng trước hết phải kể đến những biến động lớn lao trong đời sống chính trị, xã hội của Đại Việt và Trung Quốc diễn ra trong thế kỷ XVII.

Năm 1600, sau khi vua Lê Thế Tông băng hà, Nguyễn Hoàng quay trở lại Thuận Hóa. Khác với lần vào trấn thủ đất Thuận Hóa năm 1558, lần này, Nguyễn Hoàng quyết tâm ly khai khỏi chính quyền Lê - Trịnh, xây dựng cơ nghiệp riêng cho dòng họ mình, mở ra cục diện Đàng Ngoài - Đàng Trong kéo dài gần 2 thế kỷ. Với sự khôn ngoan, tài trí trong cai trị, biết cách thu dùng hào kiệt, thu phục nhân tâm, ngay từ khi vào trấn thủ xứ Thuận Hóa, sau đó là kiêm lãnh

*Liên hệ: lbpluan@hueuni.edu.vn

Nhận bài: 17-11-2020; Hoàn thành phản biện: 08-12-2020; Ngày nhận đăng: 28-12-2020

Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã tiến hành những chính sách cai trị hiệu quả để biến vùng đất vẫn được xem là “Ô châu ác địa”, “lam sơn ám khí”... trở thành “miền đất hứa”, xóm làng trù phú, xã hội dân ổn định, kinh tế ngày càng phát triển. Di dân từ phía Bắc vào định cư, khai khẩn đất hoang, dựng làng, lập ấp an cư lạc nghiệp ngày càng đông. Sự phát triển làng xã của di dân người Việt là điều kiện đầu tiên để Phật giáo Đại Việt theo bước chân của di dân cắm rễ, lan truyền trên vùng đất mới. Tuy nhiên, đó chỉ là Phật giáo dân gian, chưa có vai trò lớn trong chính sách an dân của các chúa Nguyễn.

Để ly khai, đối trọng với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, bên cạnh những chính sách đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng lực lượng quân sự, mở rộng lãnh thổ về phương Nam, Nguyễn Hoàng còn chú tâm xây dựng một nền tảng tinh thần cho xã hội mới. Ông đã đặt niềm tin vào Phật giáo, lấy Phật giáo làm chất xúc tác để dung hòa Nho giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng bản địa. Đây thực sự là một sự lựa chọn lịch sử có tính toán một cách khôn ngoan, hợp lý, đúng đắn nhằm cố kết một cộng đồng đa sắc tộc, đa văn hóa (người Việt, người Champa bản địa, người Hoa...), thu phục nhân tâm của một xã hội với nhiều thành phần cư dân phức tạp. Chính sách hộ trì Phật giáo của chúa Tiên - Nguyễn Hoàng đã được các vị chúa kế nghiệp tiếp tục thực hiện, phát triển. Sự tín mộ của các chúa Nguyễn là một yếu tố quan trọng, “cứu cánh” cho Phật giáo hưng phát, biến Đàng Trong nói chung và Thuận Hóa nói riêng thành “đất lành” của Phật giáo.

Thế kỷ XVII đánh dấu những biến động lớn lao trong lịch sử Trung Quốc. Sau gần 3 thế kỷ thống trị Trung Quốc, Minh triều (1368-1644) bước vào giai đoạn suy vong, bị thay thế bởi vương triều ngoại tộc người Mãn - Thanh triều. Sau khi chiếm Bắc Kinh, nhà Thanh thi hành nhiều chính sách khắc nghiệt như bắt người Hán cạo tóc, thay đổi y phục khiến một bộ phận dân chúng người Hán phản kháng. Bị đàn áp một cách tàn bạo, họ đã rời bỏ quê hương, lưu lạc tha phương. Trước sự thống trị của nhà Thanh, nhiều quan quân nhà Minh tham gia phong trào “phản Thanh phục Minh” nhưng bất thành, cũng rời bỏ quê hương, đất nước tìm chốn dung thân mới. Khoảng giữa thế kỷ XVII, rất nhiều đoàn di dân người Hoa đã đến Đàng Trong và được các chúa Nguyễn mở rộng vòng tay che chở, tạo điều kiện cho họ an cư lạc nghiệp trên vùng đất mới.

Sử sách ghi lại sự kiện, năm 1679, Tổng binh Long Môn Dương Ngạn Địch và Tổng binh Cao Lô Liêm Trần Thượng Xuyên đem binh lính cùng gia quyến hơn 3000 người và hơn 50 chiến thuyền lánh nạn sang Đàng Trong xin thần phục chúa Nguyễn. Chúa Hiền - Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) đã cho Dương Ngạn Địch cùng binh tướng đến định cư ở Mỹ Tho; còn Trần Thượng Xuyên cùng đoàn tùy tùng đến định cư ở xứ Đông Nai. Cũng thời gian này, Mạc Cửu, một nhà buôn quê phủ Lô Châu, Quảng Đông sang khai phá đất Hà Tiên (lúc này thuộc đất Chân Lạp). Năm 1708, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, Mạc Cửu đã xin dâng đất, làm thuộc quốc của chúa Nguyễn [4, tr. 315-316, 328].

Bên cạnh đó, với chính sách ngoại thương rộng mở, xứ Đàng Trong từ thời chúa Nguyễn Hoàng đã là thị trường mua bán thường xuyên với nhiều thuyền buôn người Trung Quốc. Ở đó thị thương cảng Hội An, nhiều hội quán và cộng đồng người Hoa định cư, sinh sống. Theo chân những đoàn di dân người Hoa, cũng như trên những thuyền buôn sang Đàng Trong, là các tăng sư Trung Quốc.

Sự hoàng hóa mạnh mẽ của các thiền sư Trung Quốc nửa cuối thế kỷ XVII ở Thuận Hóa còn bắt nguồn từ những biến động về tăng đoàn của chính bản thân Phật giáo Đàng Trong. Trước thời điểm diễn ra làn sóng du nhập của các thiền sư Trung Quốc, thiền sư người Việt nổi tiếng nhất ở Đàng Trong là Minh Châu Hương Hải (1628-1715). Tổ tiên bốn đời của ngài theo chân Nguyễn Hoàng (năm 1558) vào định cư, lập nghiệp ở làng Bình An, huyện Hà Đông, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam. Năm 28 tuổi, khi đang giữ chức Tri phủ Triệu Phong, ngài treo ấn từ quan, xin xuất gia học đạo với các thiền sư Lục Hồ Viên Cảnh và Đại Thâm Viên Khoan. Sau đó, thiền sư đi thuyền ra đảo Cù lao Chàm, dựng thảo am tu tập. Đạo hạnh và công phu tu tập của thiền sư rất cao, có thể chữa lành nhiều bệnh nan y cho mọi người.

Nghe danh thiền sư, chúa Nguyễn Phúc Tần sai người ra đảo đón ngài về Thuận Hóa, lập Thiền Tĩnh viện ở núi Quy Kinh (thuộc huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế ngày nay) để Thiền sư trú trì và các đệ tử tu tập. Trong tác *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn viết: “Lập viện Thiền Tĩnh ở núi Quy Kinh cho nhà sư ở. Quốc Thái phu nhân cùng 3 công tử là Phúc Mỹ, Hiệp Đức và Phúc Tộ đều quy y thụ giáo, quan dân binh lính ai cũng kính tin, xin quy y thụ giáo hơn 1.300 người” [3, tr. 112]. Thiền sư Hương Hải hoàng dương Phật pháp ở Thiền viện hơn 16 năm, đưa Thiền viện trở thành “một trung tâm Phật giáo nổi tiếng ở Đàng Trong” [5, tr. 157]. Nhưng sau đó, thiền sư bị chúa Nguyễn Phúc Tần nghi ngờ mưu trốn ra Đàng Ngoài, tra khảo và đưa ngài về nguyên quán Quảng Nam. Năm 1682, thiền sư Hương Hải cùng 50 đệ tử vượt biển ra Đàng Ngoài. Đây là biến cố lịch sử vô cùng quan trọng đối với Phật giáo Thuận Hóa. Sự ra đi của thiền sư Hương Hải cùng các đệ tử của mình chắc chắn dẫn đến sự thiếu hụt một cách nghiêm trọng đội ngũ tăng đoàn người Việt, nhưng lại mở ra cơ hội cho sự du nhập, truyền bá của các thiền sư đến từ Trung Quốc với nhiều tông phái mới¹.

Sự thiếu hụt nghiêm trọng đội ngũ tăng sư ở Đàng Trong hẳn là lý do chính để chúa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) và người kế vị là chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) phái người sang Trung Quốc thỉnh mời cao tăng sang Đàng Trong hoàng dương Phật pháp.

¹ Thiền sư Minh Châu Hương Hải tuy là đệ tử của các thiền sư Trung Quốc thuộc dòng Lâm Tế Trung Quốc, nhưng trong cách tu tập, thực hành, ngài lại chịu ảnh hưởng nhiều của Phật giáo Đại Việt – Phái Trúc Lâm Yên Tử. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Thiền sư thuộc phái Trúc Lâm và sự kiện ra Đàng Ngoài của thiền sư dẫn đến Phật giáo Trúc Lâm không còn sự truyền thừa ở Thuận Hóa.

2. Sự du nhập và hoàng hóa Phật giáo của các thiền sư Trung Quốc

Thiền sư Lục Hồ Viên Cảnh và **Đại Tâm Viên Khoan** được xem là hai vị Tổ thuộc dòng Lâm Tế Trung Quốc mở đầu² cho quá trình du nhập của các thiền sư Trung Quốc đến Thuận Hóa. Sử liệu về tiểu sử và hành trạng của hai vị Tổ rất ít. Căn cứ vào sử liệu về thiền sư Minh Châu Hương Hải, các nhà nghiên cứu phỏng đoán, hai vị đến Thuận Hóa khoảng những năm 1648-1650 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần và hoàng hóa ở Quảng Trị. Thiền sư Minh Châu Hương Hải trước khi xuất gia vào năm 1652 có đến tham vấn, học đạo với hai ngài. Thậm chí căn cứ chữ Minh trong pháp danh của thiền sư Hương Hải theo bài kệ truyền thừa phái Lâm Tế dòng thiền sư Trí Bàng Đột Không, có thể nói thiền sư là đệ tử của một trong hai vị Tổ trên [2, tr. 104].

Thiền sư Khắc Huyền (?-1706) thuộc phái Tào Động, khai sơn chùa Thiên Lâm. Không rõ Tổ sang Thuận Hóa và khai sơn chùa Thiên Lâm năm nào. Chỉ biết, khi Hòa thượng Thạch Liêm sang Đàng Trong vào năm 1695 đã đến ở và mở đại giới đàn ở chùa này. Một điều lạ là trong *Hải ngoại ký sự* của Hòa thượng Thạch Liêm đã không nhắc đến Tổ Khắc Huyền.

Thiền sư Giác Phong (?-1714) thuộc phái Tào Động, khai sơn chùa Thiên Thọ ở Hàm Long sơn (nay là chùa Báo Quốc). Về mốc thời gian Tổ Giác Phong đến Thuận Hóa và khai sơn thảo am thì không có sử liệu ghi chép gì. Theo phỏng đoán của nhiều nhà nghiên cứu thảo am có lẽ đã xuất hiện trước năm 1680³.

Thiền sư Từ Lâm (?-?) khai sơn chùa Từ Lâm. Về Tổ Từ Lâm, tài liệu xưa nhất và cũng duy nhất là bài văn bia trên tháp Tổ Liễu Quán trên núi Thiên Thai (phường An Tây, Huế) có câu: "...Năm Đinh Sửu (1697), thọ Cụ túc giới với Từ Lâm Lão Hòa Thượng". Với tôn xưng là Lão Hòa thượng, chắc lúc ấy, thiền sư đã cao tuổi. Vì vậy, theo các nhà nghiên cứu thì Tổ Từ Lâm có thể sang Thuận Hóa cùng thời gian với Tổ Giác Phong và khai sơn thảo am trước năm 1695, năm Hòa thượng Thạch Liêm sang Thuận Hóa mở giới đàn, rất lâu [3, tr. 78-81].

Thiền sư Huyền Khê (?-?), người Quảng Đông, là đời thứ 35 của phái Lâm Tế của ngài Đạo Môn Mộc Trần. Đầu tiên thiền sư sang Đông Phố (Gia Định), sau đó ra Thuận Hóa hoàng

² Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 2, Nguyễn Lang cho biết thiền sư Chuyết Chuyết (1590-1644) thuộc thế hệ thứ 34 dòng Lâm Tế, cùng các đệ tử từ Trung Quốc sang Cao Miên vào năm 1630, rồi qua Chiêm Thành, đến Đàng Trong. Từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài và đến năm 1633 thì thấy trò tới Thăng Long. Không rõ Thiền sư đến Đàng Trong trong khoảng thời gian nào, bao lâu, ở đâu và có hoạt động Phật sự gì không? Ở Thăng Long, thiền sư được vua Lê Huyền Tông và chúa Trịnh Tráng rất hâm mộ và kính trọng.

³ Căn cứ vào hành trạng của Tổ Liễu Quán. Năm 1680 Tổ Liễu Quán từ Phú Yên ra Thuận Hóa đã đến xin tham học với Tổ Giác Phong. Cùng với đó, tư liệu cổ ở chùa Quốc Ân - Huế, có đề cập đến việc chúa Nguyễn Phúc Chu cấp đất cho hai Tổ Nguyên Thiều và Giác Phong để xây dựng tháp Phổ Đồng tại chùa Quốc Ân vào năm 1694.

pháp, khai sơn chùa Pháp Vân, sau đổi thành chùa Thiên Phúc (chùa Khoai, thuộc xã Thủy Xuân, Huế). Có giả thiết cho rằng, thiền sư sang Đàng Trong cùng đoàn quan binh nhà Minh là Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch năm 1679.

Thiền sư Nguyên Thiều (1648-1728) là người Quảng Đông, Trung Quốc. Thiền sư theo thuyền buôn sang Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần⁴, lưu trú tại phủ Quy Ninh (Bình Định), dựng chùa Thập Tháp Di Đà, sau đó ra Thuận Hóa lập thảo am Vĩnh Ân, ở Phú Xuân Sơn (khoảng năm 1682-1684). Năm 1689, chúa Nguyễn Phúc Thái đã phê chuẩn một sắc lệnh miễn thuế đất ruộng của chùa và đổi tên Vĩnh Ân tự thành “Sắc Tứ Quốc Ân Tự”, chùa có tên Quốc Ân từ đó. Tổ sư Nguyên Thiều thuộc đời thứ 33 phái Lâm Tế.

Các đệ tử đặc pháp của Tổ Nguyên Thiều đa số là người Trung Quốc có chữ “Minh” hoặc chữ “Thành” đứng đầu đã cùng thầy hoằng hóa Phật pháp ở Đàng Trong. Tuy nhiên, chỉ một số đệ tử được sử sách ghi lại như thiền sư Minh Hằng Định Nhiên (?-?) trú trì chùa Quốc Ân sau khi Tổ Nguyên Thiều viên tịch, từ năm 1728 đến năm 1793; Thiền sư Minh Vật Nhất Tri; Thiền sư Minh Giác Kỳ Phương; Thiền sư Thành Đẳng Minh Yêu...

Thiền sư Minh Hoàng Tử Dung (?-?), thuộc đời 34 dòng Lâm Tế, khai sơn chùa Ấn Tôn (chùa Từ Đàm ngày nay). Thiền sư là người Quảng Đông, không rõ sang Thuận Hóa vào thời gian nào, có thể sang cùng lần với Tổ Nguyên Thiều. Đối với Phật giáo Huế, thiền sư Minh Hoàng Tử Dung được xem là vị Sơ Tổ của Thiền phái Lâm Tế-Liễu Quán. Bảng chùa Ấn Tôn ghi chùa được tạo dựng năm 1703, tuy nhiên theo hành trạng của Tổ Liễu Quán, thiền sư đã cầu pháp với Tổ Tử Dung vào năm 1702. Chắc hẳn chùa Ấn Tôn ban đầu do Tổ dựng chỉ là thảo am nhỏ có từ trước đó. Thiền sư Liễu Quán là một trong số đệ tử đặc pháp và được Tổ yêu mến nhất.

Trong số các thiền sư Trung Quốc hoằng hóa ở Thuận Hóa nói riêng và Đàng Trong nói chung thế kỷ XVII, người nổi tiếng nhất và được sử sách viết đến nhiều nhất là **Hòa thượng Thạch Liêm** (1633-1704). Thiền sư Thạch Liêm hiệu Đại Sán Hán Ông, người Giang Tây, trú trì chùa Trường Thọ, là đời 29 phái Tào Động. Chúa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) đã hai lần có thư mời thiền sư sang Đàng Trong, nhưng ông chưa đi được. Đến năm 1694, chúa Nguyễn Phúc Chu có thư mời, thiền sư mới quyết định sang Thuận Hóa. Tháng Giêng năm 1695, Hòa thượng Thạch Liêm cùng đệ tử và đoàn tùy tùng hơn 50 người khởi hành sang Thuận Hóa.

⁴ Về lịch sử và hành trạng của Tổ Nguyên Thiều, hiện nay có khá nhiều sử liệu. Tuy nhiên, những sử liệu này lại có ghi chép về niên đại, hành trạng của Tổ khá mâu thuẫn nhau. Sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* chép Tổ sư theo thuyền buôn sang Đàng Trong năm 1665. Còn theo phân tích của Thích Hải Ấn thì ngài sang Đàng Trong vào năm 1677.

Trong chuyến đi này, Hòa thượng Thạch Liêm đã tổ chức đại giới đàn ở chùa Thiên Lâm “có đến trên ba ngàn giới tử trong đó số giới tử xuất gia lên tới 1.400 vị vừa tỳ khưu vừa sa di” [5, tr. 223] và được cấp giới điệp được đóng kèm ấn của phủ Chúa. Hoàng gia nội phủ cùng chúa Nguyễn Phúc Chu cũng quy y trong đợt này và chúa được đặt pháp danh là Hưng Long. Một giới đàn khác sau đó được tổ chức tại chùa Di Đà ở Hội An với hơn 300 người xin thụ giới và cũng được phủ chúa cấp giới điệp.

Trong thời gian ở Đàng Trong, Hòa thượng Thạch Liêm đã được chúa Nguyễn Phúc Chu cùng dân chúng Thuận Hóa đón tiếp nồng hậu, kính trọng, tạo điều kiện tốt nhất để Hòa thượng thực hiện các Phật sự. Bản thân Hòa thượng Thạch Liêm thật sự cảm kích, dành nhiều tình cảm tốt đẹp cho Chúa và cho Chúa nhiều lời khuyên thiết thực trong điều hành chính sự. Chuyến đi được Hòa Thượng Thạch Liêm ghi chép lại trong *Hải ngoại ký sự* và được chúa Nguyễn Phúc Chu đề tựa. Khi Hòa Thượng về nước, một số đệ tử của thiền sư đã ở lại để tiếp tục hoạt động hoằng hóa Phật pháp ở Thuận Hóa.

Đệ tử của Hòa thượng Thạch Liêm là thiền sư Hưng Liên – Quả Hằng, Quốc sư thời chúa Nguyễn Phúc Chu, người đã sang Đàng Trong hoằng hóa từ trước, trú trì chùa Tam Thai ở Ngũ Hành Sơn. Thiền sư Hưng Liên - Quả Hằng đã hỗ trợ Hòa thượng Thạch Liêm rất nhiều trong đại giới đàn ở Thuận Hóa. Nhưng sau khi thiền sư Thạch Liêm về nước, thiền sư Hưng Liên viên tịch thì truyền thừa dòng Tào Động ở Quảng Nam cũng không còn. Tình hình đó cũng diễn ra đối với truyền thừa phái Tào Động ở Thuận Hóa.

Một điều đáng tiếc và cũng gây nhiều thắc mắc cho hậu thế đó là, trong chuyến hoằng hóa Phật pháp ở Đàng Trong, ngoài Quốc sư Hưng Liên (là đệ tử của thiền sư Thạch Liêm), Hòa thượng Thạch Liêm không nhắc gì đến những cao tăng Trung Quốc khác đang hoằng hóa ở Thuận Hóa, thậm chí về thiền sư Khắc Huyền, cao tăng phái Tào Động, khai sơn chùa Thiên Lâm là chùa hòa thượng Thạch Liêm dừng chân và mở giới đàn.

Những thiền sư được nhắc đến ở trên mới chỉ là những vị cao tăng thực đức có công khai sơn những tổ đình và được sử sách chép lại. Theo các cao tăng này sang Thuận Hóa hoằng dương Phật pháp chắc hẳn còn có nhiều đệ tử, cũng như nhiều tăng sư Trung Quốc khác.

3. Vai trò của sự du nhập và hoằng hóa Phật pháp của các thiền sư Trung Quốc

Sự du nhập và hoằng hóa Phật pháp của các tăng sư Trung Quốc ở Thuận Hóa thế kỷ XVII đã có những đóng góp lớn đối với sự phát triển của Phật giáo Thuận Hóa nói riêng và Phật giáo Đàng Trong nói chung trên nhiều phương diện. Một trong những việc đầu tiên của các thiền sư Trung Quốc ở địa điểm mới là lập các thảo am để làm nơi trú ngụ, thờ tự, tu tập và

hoàng dương Phật pháp. Theo sử liệu, khoảng giữa thế kỷ XVII, cả một vùng gò đồi rộng lớn hoang vu trước mặt Kinh thành Huế hiện nay, mạn Nam sông Hương chưa có làng xóm hay một ngôi thảo am nào. Nhưng đến cuối đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), trên các dãy đồi núi ở đây đã xuất hiện các thảo am của chư Tổ sang cắm tích tượng hoàng pháp. Những thảo am ban đầu chắc hẳn chỉ được làm bằng tranh tre nửa lá với quy mô nhỏ, sau này mới được kiến thiết, mở rộng, xây dựng kiên cố hơn. Những ngôi chùa được các Tổ khai sơn trở thành chùa Tổ và hầu như tồn tại cho đến ngày nay, như chùa Thiền Lâm do Tổ Khắc Huyền khai sơn, chùa Từ Lâm của Tổ Từ Lâm, chùa Thiên Thọ (nay là chùa Báo Quốc) của Tổ Giác Phong, Chùa Vĩnh Ân của Tổ Nguyên Thiều, chùa Ấn Tôn (nay là chùa Từ Đàm) của Tổ Từ Dung.

Hành trang sang Đàng Trong của các tăng sư Trung Quốc chắc chắn không thể thiếu Kinh sách, pháp tượng, pháp khí thờ tự. Chùa Hà Trung (thuộc Phú Vang, Thừa Thiên Huế) vẫn còn pho tượng Phật Quan Thế Âm lớn bằng đá do Tổ Nguyên Thiều thỉnh về từ Trung Quốc. Ngoài ra, các thiền sư còn giúp các chúa trong việc giới thiệu, thỉnh mời các cao tăng sang Thuận Hóa hoàng dương Phật pháp. Thiền sư Hưng Liên - Quả Hằng giới thiệu Hòa thượng Thạch Liêm cho các chúa. Trong chuyến vượt biển sang Đàng Trong, Hòa thượng Thạch Liêm cùng đệ tử mang theo rất nhiều Kinh sách, pháp khí thờ tự. Với sự hoàng hóa của thiền sư Trung Quốc, hệ thống thờ tự ở Thuận Hóa trở nên phong phú, đa dạng. Xứ Thuận Hóa giờ đây không chỉ có chùa làng, chùa công, mà còn có cả chùa Tổ. Sự hiện diện của những ngôi chùa Tổ nâng tâm Phật giáo Thuận Hóa, đưa Thuận Hóa trở thành trung tâm Phật giáo của cả xứ Đàng Trong.

Trên cơ sở sự truyền nhập của các thiền phái mới từ Trung Quốc, một trong những đóng góp quan trọng khác của sự truyền bá và hoàng hóa Phật giáo của các thiền sư Trung Quốc chính là góp phần vào việc thúc đẩy sự hình thành của những dòng thiền nội sinh ở Việt Nam. Sau chuyến vượt biển ra Đàng Trong của thiền sư Minh Châu Hương Hải cùng các đệ tử, Phật giáo Trúc Lâm không còn truyền thừa trên đất Thuận Hóa. Sự du nhập của các thiền sư Trung Quốc đã đưa đến sự xuất hiện ở Thuận Hóa hai thiền phái Trung Quốc là phái Lâm Tế và phái Tào Động. Phái Lâm Tế có các thiền sư như Từ Lâm, Nguyên Thiều, Từ Dung, Huyền Khê với nhiều dòng truyền thừa khác nhau. Phái Tào Động có các thiền sư Khắc Huyền, Giác Phong và Hòa Thượng Thạch Liêm. Trong hai thiền phái Lâm Tế và Tào Động thì phái Lâm Tế có được nhiều thế hệ truyền thừa, nhiều đệ tử đặc pháp và truyền bá rộng rãi cho đến ngày nay.

Một trong những đặc điểm của các thiền phái Trung Quốc là sự biệt xuất các dòng kệ truyền thừa. Điều này giúp cho việc xác định thế thứ của các tăng sư, đệ tử và tư tưởng của các chi phái. Sau này, các Tổ sư người Việt cũng tiếp tục truyền thống này. Có thể nói, sự du nhập của những dòng thiền mới của các tăng sư Trung Quốc thế kỷ XVII đã góp phần làm phong

phụ thêm các hệ phái cũng như tư tưởng Phật giáo Đại Việt. Chính nhờ sự hoàng hóa và truyền dạy của các Tổ sư Trung Quốc, nhiều tăng sư người Việt đã đắc pháp, kế thừa và phát triển Phật pháp, lập ra những dòng thiền nội sinh với bài kệ truyền thừa mới, như dòng thiền Lâm Tế-Liễu Quán ở Thuận Hóa, dòng Lâm Tế-Chúc Thánh ở Quảng Nam, tiếp nối mạch truyền Phật giáo Đại Việt.

Cuối cùng, với sự du nhập và hoàng hóa Phật pháp, các thiền sư Trung Quốc đã góp phần đào tạo tăng tài, phát triển số lượng tín đồ, truyền bá rộng rãi Phật giáo ở Đàng Trong. Theo chính sách hộ trì Phật giáo của các chúa Nguyễn, bắt đầu từ chúa Tiên - Nguyễn Hoàng và sau đó là các vị chúa kế nghiệp, đến cuối thế kỷ XVII, Phật giáo ở Thuận Hóa nói riêng và Đàng Trong đã có sự hưng phát. Trong tác phẩm *Hải ngoại ký sự*, Hòa thượng Thạch Liêm nhận xét, tuy dân cư xứ Đàng Trong “có lòng tin rất kiên cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn” [6, tr. 46], số lượng tăng đồ đông đảo nhưng lại ít kẻ tu hành chân chính, có kiến thức về Phật pháp, chấp hành nghiêm về giới luật. Nguyên nhân chính, theo Hòa thượng, là do chính sách bất lịnh hà khắc của chúa Nguyễn, một số dân chúng đã tìm đến cửa Phật để trốn tránh, dẫn đến “bọn khoác áo nhà chùa rất đông, phật pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những “tôn phái” không ai hỏi đến, mà các việc “Luật”, “Luận” cũng đều xếp xó bỏ qua; đến nỗi những kẻ mao ni áo tràng, mà nét xấu tật hư, còn quá bọn dân quê làng mạc” [6, tr. 43].

Ngoài ra, như đã đề cập ở trên, biến cố liên quan đến thiền sư Minh Châu Hương Hải cũng dẫn đến sự thiếu hụt một cách nghiêm trọng đội ngũ tăng sư người Việt. Sự du nhập của các tăng sư đến từ Trung Quốc với học vấn uyên thâm, hiểu biết Phật pháp sâu sắc, phẩm hạnh cao đã bổ sung cho sự thiếu hụt đội ngũ tăng sĩ ở Đàng Trong. Cùng với đó, việc tổ chức giới đàn (như Đại giới đàn của Hòa thượng Thạch Liêm ở chùa Thiên Lâm, chùa Di Đà), truyền bá Phật pháp, cấp phát độ điệp cho tăng chúng góp phần đào tạo tăng sư, tăng số lượng tín đồ Phật tử.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện các chùa Tổ với những vị cao tăng thạc đức đã thu hút rất nhiều tăng sư người Việt đến cầu học, tu tập dưới sự hướng dẫn của các Tổ rồi trở thành những thiền sư có tài năng, đức độ, có khả năng thâm hóa và sáng tạo để tạo nên bản vị của Phật giáo Thuận Hóa (Phật giáo Huế); kế tục sự nghiệp truyền pháp của các Tổ giúp Phật giáo Thuận Hóa ngày càng thịnh đạt, truyền bá, lan tỏa Phật giáo vào những vùng đất phương Nam.

4. Kết luận

Thế kỷ XVII trong lịch sử Phật giáo Việt Nam chứng kiến sự du nhập và hoàng hóa mạnh mẽ của các thiền sư Trung Quốc ở xứ Đàng Trong. Trên con đường tiến về phương Nam, Thuận Hóa – trung tâm chính trị xã hội của xứ Đàng Trong, trở thành điểm dừng chân cắm tích trượng, hoàng dương Phật pháp của nhiều cao tăng thạc đức Trung Quốc.

Sự hiện diện của các thiền sư Trung Quốc với học vấn uyên thâm, hiểu biết Phật pháp sâu sắc, phẩm hạnh đạo đức cao không chỉ bù đắp cho sự thiếu hụt số lượng tăng sĩ, mà còn mang lại cho Phật giáo Đàng Trong diện mạo mới. Nhiều Tổ chùa xuất hiện với các tông phái Phật giáo mới; Phật giáo Thuận Hóa thịnh mời được nhiều cao tăng đặc đạo tổ chức các giới đàn truyền bá Phật pháp, thỉnh Kinh sách, pháp khí thờ tự; đội ngũ tăng sư người Việt tài năng, đức độ, có khả năng thâm hóa và sáng tạo để lập thêm tông phái mới.

Sự hoàng hóa của các cao tăng thực đức Trung Quốc không những thỏa mãn nhu cầu tâm linh của cư dân Thuận Hóa, mà còn đáp ứng yêu cầu trị vì về mặt tinh thần của giai cấp cầm quyền. Sự du nhập và hoàng dương Phật pháp của các thiền sư Trung Quốc góp phần quan trọng cho sự hình thành “bản vị Phật giáo Huế”, tiếp tục truyền bá, lan tỏa Phật giáo Việt Nam vào vùng đất phương Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An (2015), *Ô châu cận lục*, bản dịch và hiệu đính của Trần Đại Vinh, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
3. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn (2010), *Chư tôn thiên đức Phật giáo Thuận Hóa*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
4. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại Ký sự*, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế.
7. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

THE IMPORT AND PROPAGATION OF CHINESE ZEN MASTERS IN THUAN HOA IN THE SECOND HALF SEVENTEENTH CENTURY

Le Binh Phuong Luan*

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. In the half of the seventeenth century, it is seen that the introduction and propagation of Chinese Zen Masters spread strongly in Thuan Hoa. With their profound education and understanding of Buddhism and high ethicality, Chinese Zen Masters made an important contribution to satisfy the spiritual needs of residents and meet the requirements of the spiritual rule of Nguyen Lord on the new land. The propagation of Chinese Zen Masters had a great significance to the development of Buddhism and creating a new aspect for Hue Buddhism.

Keywords: Chinese Zen Master, Nguyen Lord, introduction, propagation, Hue Buddhism, 17th century